

Cô ba Huế Phan

1.

Ông Đại chủ tiệm giặt mở hũ kim chi thì mỗi ngày, nhưng mở lòng với hàng xóm ở khu thương mại này thì hiếm lắm! Vậy mà sáng nay, tôi đang nói điện thoại với bạn bè ngoài thùng thư của building thì ông đem ra cho tôi một ly trà. Tôi gật đầu cảm ơn vì đang bận đầu hót nhưng không quên ông Đại thường không làm những việc thừa! Tôi mở cửa xe mình lấy bao thuốc lá với cái quẹt, đưa ông. Bởi trí nhớ tôi còn tốt lắm, ông tuyên bố bỏ thuốc đã có hơn ba tháng nay, nhưng bỏ mua chứ chưa bỏ hút.

Trong không khí lễ hội cuối năm với tiết trời khá lạnh, không gian lá vàng bay muôn nơi như chính những đứa trẻ đầu xanh chân đất của ba, bốn mươi năm trước - những tiếng nói giọng cười xưa cũ lại vang lên trong điện thoại mà nhắc về ngôi trường tranh vách đất như cái chuồng bò; nhắc lại một dòng sông cuối xóm... chảy đi đâu? Những từ ngữ xưng hô: “mày/ tao” thật lâu rồi mới nghe lại trong cuộc sống “ông/ tôi” rộng tuếch nơi này! Ly trà thơm trên tay hoà quyện với tâm tư tình cảm trong tôi đến tuyệt vời trong một sáng mùa đông.

Sau những giây phút trở về mái trường xưa với bạn cũ, những ký ức về một dòng sông, ngôi trường làng... thơm ngọt dư vị trà sâm trong cuống họng. Tôi bước vô tiệm giặt để hỏi ông Đại là trà gì mà ngon đến... cho tôi xin ly nữa được không? Nhưng đã nói là ông Đại mở hũ kim chi thì mỗi ngày nhưng mở lòng với tha nhân thì hiếm lắm! Ông chỉ viết cho tôi vài chữ Đại Hàn lên miếng giấy và bảo tôi: “Có bán ngoài chợ Đại Hàn”. Tôi sống đời tha phương nên chẳng biết buồn với đối nhân xử thế không phải bạn bè, tôi về tiệm tôi để bắt đầu một ngày mới có dư vị xa xưa đầy kỷ niệm.

Sáng hôm sau, thay vì pha bình trà bỏ lên xe, rồi đi làm. Tôi chỉ đổ nước sôi vô bình chứ không bỏ trà xanh mà lái thẳng ra chợ Đại Hàn để mua thứ trà ông uống bà khen như lời ông Đại giới thiệu thêm vào buổi chiều cùng ngày. Tôi vô chợ kim chi, tìm đến hàng trà bánh để lạc vào mê hồn trận với chữ nghĩa Đại Hàn. Những con chữ ngoằn ngoèo như giun mà trong mắt người mù chữ ngoại thì nó cùng họ với chữ Nhật; chữ Tàu đến choáng váng đầu óc, tôi cố tìm một người Đại Hàn trong chợ để nhờ giúp! Nhưng chợ sớm quá, chỉ le hoe mấy anh Mễ còn ngái ngủ - đang xấp hàng lên kệ. Tôi tìm được bà cụ thất thập, tóc trắng, dáng gầy toả vẻ thanh cao, cũng đang xăm soi hũ này gói nọ. Tôi ngờ ngợ bà gốc kim chi nên tôi hỏi nhờ giúp bằng tiếng Anh thì bà trả lời tôi một câu tiếng Việt - giọng Huế: “Tôi là người Việt Nam, anh người Tàu hi...”

Tôi cười cảm ơn vì bà cụ này vui thật! Nghĩ tôi người Tàu mà hỏi tôi bằng tiếng Việt... trơn tru. Từ đó, tôi cứ dõi mắt theo bà cụ mà linh tính tôi nói là người quen. Càng quan sát lên thì càng hứng thú vì dáng đi khác người của bà cụ gợi nhớ cô ba Huế ở xóm tôi dạo nọ. Một xóm làng hiền hoà bên con sông xanh mà hôm qua bạn bè tôi còn nhắc là hết tuổi trẻ chúng tôi vẫn chưa thám hiểm được sông chảy về đâu? Trong đầu óc tôi hiện lên những gương mặt bạn bè, từng ngôi nhà trong xóm với cây trái nhà ai - hương vị thế nào? Nhà cô ba Huế làm nghề thợ may ở cuối xóm...

Năm ấy khoảng Mậu Thân (1968), tôi mới năm, sáu tuổi đầu nhưng đã có mặt trên từng cây số của cái xóm nghèo ven sông. Một dạo, có những gia đình người miền Trung chạy giặc vào. Chính quyền địa phương cấp đất cát nhà và giúp đỡ gạo tiền để ổn định cuộc sống. Cô ba Huế năm đó chừng ba mươi, nghe nói chồng chết nhưng có đứa con gái cỡ tuổi tôi. Cô đến xóm tôi với con gái và ông già đầu bạc như cha cô thì phải. Ba người họ sống chung trong căn nhà hoang mà chủ cũ là Việt cộng nằm vùng, đã bị bắt quả tang có truyền đơn và súng đạn chôn trong vườn nên Cảnh sát Quốc gia cho đi nghỉ mát ngoài Côn đảo. Nay, căn nhà vô chủ đó, được chính quyền cấp cho cô ba vô ở và còn xin tôn bên căn cứ Mỹ để thay mới cho đồng bào chạy giặc ngoài Trung vào nên nhà cô nổi bật trong xóm với tôn nhôm trắng loá dưới ánh mặt trời. Không nhớ khi nào thì ông già và con bé gái bỏ đi? Từ đó, cô ba một mình. Tôi nhớ con nhỏ... nó nói nó nghe chứ tôi cũng không hiểu nó nói gì!

Cô ba mang tiếng không hay trong một xóm làng dân dã là cô ba chồng chết, nhưng những người có tâm hơn thì gọi là cô ba Huế. Cô ba mướn người ràoậu gần sân bằng cọc sắt với kẽm gai làm phật lòng hàng xóm vì xóm tôi luông tuông nhà này qua nhà kia đã quen mắt mọi người. Trẻ con bọn tôi thì không

thích cái hàng rào kiên cố làm xa lạ chúng tôi với cây khế, cây chàm ruột, cây trứng gà... đã có trong sân ngôi nhà hoang từ khi cô ba chưa đến đây. Tóm lại, giọng Huế đã làm cho cô ba nổi bật trong một xóm làng miền Nam, nay thêm cái bờ rào làm cho thiện cảm của láng giềng trong xóm thêm xa cách. Nhưng từ hôm cô ba treo bảng “Nhận may vá quần áo” thì có người gọi là cô ba thợ may và nhiều thiếu nữ trong xóm lui tới để may mặc. Với cánh đàn ông thì xầm xì chuyện cô ba đi về lẻ bóng nhiều hơn vì đàn ông xóm tôi chỉ có nhu cầu ăn nhậu chứ không có nhu cầu ăn mặc.

Bỗng một hôm, gió heo may đã về... Chú Tư bánh mì “quậy” cô ba làm om xòm làng trên xóm dưới. Chú Tư là lính Nghĩa quân ngoài đồn, chú mập và lúc nào cũng... say. Quần áo lính lè phè không tả nổi, đôi giày bố của ông là thiên hạ đệ nhất... thúi. Chú có đàn con nhỏ chừng bảy, tám đứa. Sáng ra là mỗi đứa một cái bao bông bột trắng chứa chừng hai chục ổ bánh mì nóng giòn, thím Tư thả đàn con đi khắp xóm bán bánh mì. Đứa nào hết trước về trước nộp tiền cho thím Tư, và từ đó đến mặt trời lặn trong ngày thì nó tự do đi phá làng phá xóm là chính - đi học là phụ. Thím Tư chỉ lo xong chuyện bánh mì cho đàn con đi bán mỗi sáng là thím gầy sòng tứ sắc tới chiều hôm. Cái tên chú Tư bánh mì có từ bao giờ thì tôi cũng không biết, chỉ biết được theo mấy thằng con chú Tư mà đi phá làng phá xóm thì khỏi chê! Tội nó phá từ Chùa ra tới Thổ thần ngoài Đình cũng khóc tiếng Miên.

Hôm chú Tư xuống phiên gác đồn, ghé quán Chín Chiều nhậu tiết canh heo với lòng lợn, trên đường về nhà ngủ lấy sức để chiều nhậu tiếp. Lúc ngang nhà cô ba Huế giữa trưa vắng vẻ, ngoài hiên gió heo may đã về... cô ba vừa may vừa hò “sầu lẻ bóng” bên song cửa sổ làm con lợn lòng chú Tư ngo nguậy; làm xà lòn đứt dây thun nên chú Tư ghé cô ba nhờ luồn lại dây thun quần! Chẳng biết cuộc thương lượng của chú Tư với cô ba thế nào mà cô ba đá chú Tư bay ra đường làm chó sủa rân trời giữa ban trưa, trẻ con tùm tùm kháo nhau: Cô ba có võ. Thím Tư nghe tin, bỏ sòng tứ sắc đi cứu chồng với cây chổi chà trong tay thì không nguy hiểm gì nhưng cái miệng thím Tư la làng... “con ba Huế giết chồng tui” thì náo động làng trên xóm dưới.

Từ đó, cánh đàn ông mà đặc biệt là mấy ông lính Nghĩa quân “nghĩa” cô ba đi chợ dữ dội. Hôm đó, đám trẻ chúng tôi mới giật cô hồn ở nhà nọ cũng tháng bảy. Cả đám tụ tập trước nhà hót tóc Thanh Xuân, chúng tôi ăn những thứ giật được như mía lóng, trái cóc, đậu phộng luộc... thằng Mỹ con bà sáu Sận lớn con nên háu ăn, nó vừa ăn của nó, vừa giật ăn của thằng Cu mót - con chú Tư bánh mì. Thằng Cu mót không hiền nên hai đứa đánh nhau, Cu mót nhỏ hơn nên bị đau, nó lăm le cục đá đồ tổ chảng, lừa thế chọi thằng Mỹ sao cho trúng rồi chạy. Ai dè, ba nó ngoài đồn về, thấy. Chúng tôi méc chú Tư là thằng Mỹ ăn hiếp Cu mót. Chú Tư tịch thu hết mía, cóc, đậu phộng của hai đứa nó... để tao đi nhậu! Thằng Mỹ la làng “Y lớn ăn hiếp con nít.” Chú Tư nói nó: “Vậy sao mày lớn hơn thằng Cu mót mà mày đánh nó để giật đồ ăn? Bây giờ tao không lấy nữa, mày có ngon thì chấp thằng Cu mót một tay, hai đứa đánh tay đôi. Đứa nào thắng lấy hết.” Đám con nít cổ võ vì đứa nào cũng thích coi đánh lộn và ghét thằng Mỹ vì nó ăn hiếp nhiều đứa chứ đâu riêng gì Cu mót.

Chú hai Đức cũng là lính nghĩa quân ngoài đồn - con ông cụ Thanh Xuân hót tóc, từ trong nhà đi ra xem và làm trọng tài khi thằng Mỹ bị chọc quá nên liều xung trận chứ nó cũng rét chú Tư đang có mặt ở đó lắm! Hàng xóm nghe ồn cũng đã bắt đầu ra xem, ai nấy cười ngất với luật thi đấu của chú hai Đức. Luật rằng: Thằng Mỹ phải cho tay trái vô quần tà lòn... bùm cu. Hề tay trái mà rời cu là thua - không cần đánh nữa!

Trận độ sức bắt đầu với thằng Mỹ - tay trái bùm cu - không được rời. Nó còn có tay phải quơ quơ... bị thằng Cu mót đục cho một trận phù mờ. Nó đau quá... lờ bỏ tay trái khỏi bủ bối để đỡ đòn, rồi bắt chấp luật lệ - tấn công Cu mót. Bị chú hai Đức tóm cổ, xử thua liền tại chỗ. Nó quê quá, bỏ về, hẹn ngày làm thịt Cu mót.

Chúng sanh a đua thì thời nào chả nhiều! Cả bọn bu vô Cu mót ăn ké chiến lợi phẩm. Chú Tư bỏ đi... nhậu. Chú hai Đức ngồi coi đám con nít ăn đồ cúng cô hồn một hồi. Đồ ăn đã hết nên nhiều đứa tản đi chơi chỗ khác, chỉ còn vài đứa ngồi gốc cây nhà chú Hai đợi nhà khác cúng cô hồn thì lên đường thi hành công vụ. Bỗng! Cô ba Huế đi chợ về. Từ xa đã biết là cô ba vì dáng người cao ráo lại còn đi guốc cao, tóc dài, da trắng như sương... cô ba đi như gió thoảng mây bay bởi quần áo cô ba lúc nào cũng tha thướt chứ không như các bà lồi thoi trong xóm. Chú hai Đức động lòng trắc ẩn mà lệnh rằng: “Đứa nào? Võ đít cô ba Huế một cái thì tao cho năm đồng khứa ăn cà rem.”

Nghe năm đồng khóa thì cả đám sáng mắt nhưng có gan chỉ thằng Cu mót. Nó nhỏ con nhưng gan lớn lắm! Nó đợi cô ba ngang nhà chú hai Đức là đứng dậy đi theo... Cô ba thấy nó theo bên trái thì chuyển cái giỏ nhựa màu hồng sang bên phải vì sợ nó móc giỏ. Nó tạt qua phải thì cô ba chuyển giỏ qua trái mà không biết nó đang lừa thế vô mong! Đầu nó chỉ cao bằng lưng quần cô ba mà nó chuyển vị liên tục làm cô ba chóng mặt! Quay mòng mòng theo nó một hồi. Cô ba đứng “hí” cho nó một chập... đầu gối nó vô mong cô ba cái phét rồi chạy.

Cô ba giận quá nhưng làm sao chạy lại nó mà đuổi! Cô ba rẽ trái chứ không đi thẳng về nhà mình nữa, cô theo con đường mòn vượt qua bãi cỏ tranh để đến nhà chú Tư bánh mì - mắng vốn. Đám con nít theo sau như đi hội chợ, thằng nhỏ cao nhất - đi sau cuối là chú hai Đức.

Cô ba mắng té tát vào mặt chú Tư... nào là không biết dạy con; nào là mất dạy có giòng có giống... con nít mới nức mắt đã đâm ô, vô dít đàn bà. Chú Tư nghiêm nghị trả lời: “Đâu phải cô ba méc thì tui kêu con tui về mà đánh nó được! Tui đi bắt Việt cộng nằm vùng thì cũng phải có chứng, có cứ - truyền đơn, súng đạn, cờ xí... mới bắt người ta được. Con tui đánh cô chỗ nào? Cô trưng ra bằng chứng dấu tay của nó thì tui mới xin lỗi cô - trừng trị nó được chứ!”

Cô ba chửi rân trời, xóm làng được dịp nghe giọng Huế đã tai. Chú Tư bánh mì với chú hai Đức thả bộ ra quán Chín Chiều. Đám con nít tâng bốc thằng Cu mót lên thủ lĩnh vì nó mới lãnh năm đồng khóa của chú Hai. Nó hào phóng như chú Tư vậy, cả đám theo nó kéo nhau ra tiệm tạp hoá thằng Chí (không biết sao cứ hễ có một người Tàu sống trong xóm người Việt thì người Tàu đó mặc xà lòn chệt - dài tới đầu gối; ở trần quanh năm; trên mu hai bàn chân có vài cục ghề - không bao giờ hết - hình như để dụ ruồi?! Và bán tạp hoá. Và bị kêu bằng thằng. Dù ông Chí, tóc bạc trắng đầu từ trước khi đám nhỏ kêu ông bằng thằng được sinh ra).

Đám cô hồn sống đang ăn tép mỡ ép khô là đặc sản của tiệm ông Chí - do thằng Cu mót khao quân thì bắt được tin: Cô ba nhất định không về nhà mình để nấu cơm mà đến nhà ông Tám Hường (là ông nội thằng Cu mót; cha của chú Tư bánh mì). Cô ba gào cho được ông Tám ra mặt để mắng vốn: “Ông không biết dạy con cháu ông... giòng giống đâm ô; vô giáo dục; mất dạy ba đời...”

Oâng Tám già lắm rồi, xưa làm thợ mộc nhưng búa đục của ông cũng đã đóng bụi vài năm nay vì mắt mũi kém nhem nên ông đâu làm gì được nữa. Oâng Tám khấn khoản xin cô ba... cho rờ chỗ bị đánh! Nếu có và đúng là dấu tay thằng Cu mót thì ông Tám xin lỗi cô và trừng trị cha con thằng Cu mót theo lời yêu cầu của cô ba.

Cô ba giận tím gan tím ruột, quảy giỏ đi thưa ông làng, ông xã. Khu vực quân sự gồm: Hội đồng xã, Chi khu cảnh sát, Đồn nghĩa quân, chung một vòng rào kẽm gai - có gài mìn claymore và duy nhất một cổng vào - có lính Nghĩa quân canh gác 24/24 nên con nít không được vào. Thuở ấy, tôi chưa có thể “Phóng viên không biên giới” nên không biết thêm được gì!

2.

Tôi dõi mắt theo cô ba, nay đã bảy mươi, trong cái chợ mà đời tôi không ngờ có ngày mình bước chân vô là chợ Đại Hàn; không ngờ lớn hơn là gặp lại cô ba ở một nơi cách làng xưa, xóm cũ tới nửa vòng trái đất. Không ngờ lớn nhất là bốn mươi năm đầu bể dòng đời, đứa bé lên năm đã bốn lăm, cô ba thướt tha... tóc dài, da trắng, dáng điệu nuột nà trong ký ức tôi đã là bà cụ bảy mươi - đi chợ một mình trên xứ lạ. Tôi muốn chạy đến cầm tay bà cụ... “Cô ba nhớ con hôn? Con là thằng...” Nhưng cô ba là cô ba! Cô ba không phải là bà Tư, bà Tám... cho tôi nhắc lại ân tình!

Năm “giải phóng” thì tôi đã 13, cái tuổi ăn chưa no lo chưa tới. Nhưng hoàn cảnh đất nước thu nhỏ là xóm làng, gia đình... đã buộc một đứa trẻ chọn lựa chiến tuyến trong thâm lặng. Tôi bị kỳ thi, bậc đãi trong trường học bởi lý lịch gia đình nên tự nhiên tôi đứng về bên thua trận dù tôi chưa cầm súng bao giờ. Bây giờ, tôi đứng đây! Lòng ngập tràn ký ức... dòng sông tuổi nhỏ - không biết chảy về đâu? Nhưng dòng ký ức trong tôi chảy về quê quán một cách tự nhiên của người xa xứ. Những hình ảnh thân quen, những gương mặt bạn bè... cả những muộn phiền xưa cũ gói gọn trong hình hài - quá khứ thướt tha kia! Cô ba. Tôi muốn gọi bằng tiếng lòng con trẻ nơi xứ xa gặp lại quê nhà. Nhưng hai tiếng “Cô ba” sao cứ

nghe ngào trong cổ họng! Sao không phải là bà Tư; bà Tám... đã từng đánh chửi; cho ăn khi tôi còn chân đất chạy khắp làng trên xóm dưới với cái đầu khét nắng. Sao không phải là bà mẹ của đứa bạn nhỏ nào cũng được - cho tôi chạy đến nắm bàn tay gân guốc, run run... nhìn vào đôi mắt già nua mờ ảo như xóm làng xa khuất theo dòng thời gian... mà nhỏ lệ ân tình; cho tôi tìm lại tôi trong mắt mẹ đã mờ; tìm về xóm làng xưa cũ ven sông để nở nụ cười chưa vương mùi lưu lạc... để thấy mình không phải là một người trung niên lú thừ trên đất lạ quê người; thấy mình nhỏ nhoi trong đôi mắt mẹ quê là ước mơ của đời lưu lạc...

Cô ba biết tôi theo dõi nên mắt tự nhiên của một người đi chợ sớm, thỉnh thoảng cô cũng để mắt tới tôi đang lục lạo những gói là gói mà chẳng biết gói nào là đúng cho sự tìm kiếm của mình. Thật ra đầu óc tôi đã không tập trung tìm kiếm thứ mình muốn tìm vì dòng sông quê tôi - không biết chảy đi đâu? Nhưng dòng ký ức về xóm làng xưa cũ tuôn chảy trong đầu. Ký ức về cô ba như mới hôm qua!

.... Xế chiều ngày 30/04/1975, những người bộ đội còn lá rừng trên ba lô lăm lăm súng AK tiến vào xóm nhỏ. Cô ba đã bỏ cái quần đen; cái áo bà ba lúc nào cũng giặt ủi kỹ càng để thướt tha theo mỗi bước đi. Cô ba trong bộ đồ bộ đội, tóc búi cao để đội nón cối chứ không buông tóc thả cho gió mơn man như xưa; chân dép râu như họ chứ không còn đôi guốc lộc cộc trên đường làng... cái băng đỏ trên cánh tay cô ba là hết những gì đền ơn đáp nghĩa cho một xóm làng đã cu rư mang cô ba từ những ngày chân ướt chân ráo vào Nam lánh giặc. Cô hướng dẫn bộ đội chính quy vào tiếp quản khu vực quân sự gồm Hội đồng xã, Chi khu Cảnh sát và Đoàn Nghĩa quân. Những người thanh niên ruộng vườn hôm qua đã thành Giải phóng quân sát cánh cùng bộ đội chính quy đi thu lượm súng đạn, quân trang, lương thực, thuốc men... hăng hà trong căn cứ Mỹ. Cả xóm, cả làng nhìn cô ba không nói, nhưng từ trong ánh mắt của họ đã thất vọng náo nức, chua chát thay cho quân ăn cơm Quốc gia thờ ma cộng sản.

Sáng ngày 01/05/1975 thì cô ba đã ngồi ghế trưởng xa trên cái xe jeep của Mỹ bỏ lại, có tài xế là một Nghĩa quân thức thời mà danh từ mới gọi là: "Cách mạng ba mươi" Anh làm tài xế cho cô ba bởi trước đây ham thích lái xe bốn bánh nhưng chỉ được rửa xe. Bộ đội chính quy và giải phóng quân chỉ quen đi bộ, đâu ai biết lái xe. Chiếc xe jeep lùn có ăng-ten cao ngất như cần câu, hai người nông dân địa phương đã thôi ra đồng, để cây cuốc ở nhà và vác súng AK ngồi băng sau đi làm cách mạng. Súng lăm lăm như muốn giết hết những ánh mắt chưa quen với cuộc đổi đời. Xe jeep chạy khắp làng trên xóm dưới để ngăn chặn người dân hồi của trong căn cứ Mỹ, bắt bớ những người mà từ ngữ mới gọi là: nợ máu nhân dân. Đến chiều ngày 01/05/1975 thì cô ba chủ trì phiên họp Hội đồng nhân dân đầu tiên trong xóm, địa điểm là cửa nhà chú Hồ Trương. Cô ba tuyên án chú Hồ Trương - trưởng đồn Nghĩa quân là tay sai Đế quốc Mỹ; người mang nợ máu nhân dân lớn nhất ở xóm làng. (Chú Hồ Trương nguyên là lính Thủy quân lục chiến, một lần bị Việt cộng đánh lên đầu ở ngoài Trung, vợ con chú chết hết trong trại gia binh là cái hận những người bắn giết đàn bà, con trẻ. Chú chiến đấu tới cùng và bị thương nặng. Sau khi hồi phục thì quân đội cho chú giải ngũ nhưng chú không cam lòng nên về địa phương tham gia Nghĩa quân. Với tài chỉ huy và kinh nghiệm chiến đấu, chú được đề bạt làm trưởng đồn Nghĩa quân ở địa phương.

Sau kỳ tổng tấn công Tết Mậu thân, Việt cộng thua đậm nên thiếu người. Từ đó, đêm đêm họ mò về xóm làng bắt thanh niên vô bụng, ai không đi thì họ giết dã man bằng cách trói lại rồi đập đầu bằng dầm chèo chứ không dám bắn vì sợ tiếng súng làm động đến căn cứ Mỹ mà lại có căn cứ lính Nhảy dù bên cạnh nữa. Chú Hồ Trương với tư cách trưởng đồn Nghĩa quân đã âm thầm phục kích đường rút lui của địch và làm cỏ bọn thảo khấu bằng chiến công vang dội là sáng sau đêm phục kích, chú đưa về chợ Xã 14 xác địch quân Việt cộng cho đồng bào nhận diện - toàn những nông dân quen mặt, người đánh xe ngựa, kẻ vác lúa thuê ngoài nhà máy chà... Giặc căm thù chú tới xương tủy, họ lên kế hoạch công đồn Cây Khô, cũng là đồn Nghĩa quân biên trấn với mặt khu Việt cộng để trả thù cho 14 đồng chí đi cướp của giết người mà chết không toàn thây.

Chú Hồ Trương với kinh nghiệm dạn dày trận mạc. Chú, tương kế tựu kế, đúng đêm tin tình báo cho hay giặc sẽ công đồn Cây Khô, chú cho Nghĩa quân đồn chú làm trưởng đồn đưa rượu thịt ra đồn Cây Khô để ăn mừng chiến công vang dội của Nghĩa quân địa phương. Chú chỉ giả tổ chức ăn nhậu trong đồn Cây Khô, cho hết lính tráng giả say... nhưng kỳ thực lính Nghĩa quân rút hết ra ngoài. Việt cộng lọt vô đồn trống! Khi hay trúng kế thì đã muộn!!! Bên ngoài Nghĩa quân bao vây, sau lưng Nghĩa quân lại có lính Nhảy dù yểm trợ thì chạy lên trời cũng không thoát. Từng người nông dân bỏ súng quy hàng nên tiếng tăm chú Hồ Trương lớn lắm! Ngoài cái dũng chú có cả cái trí nên Việt cộng treo giải cái đầu chú Hồ Trương cả trăm ngàn mà một tờ năm trăm con cọp hồi xưa đã lớn biết chừng nào?

Thành tích chống cộng của chú còn náo động đến mức, chú lặng lẽ dẫn theo có hai người Nghĩa quân đi phục kích tay kinh tài về thu thuế nhà máy chà. Còn ai trồng khoai đất này là chú Hồ Trương với chú hai Đức, chú Tư bánh mì. Ba chọi ba với tổ kinh tài của Việt cộng, chú bắt được tay kinh tài với cặp táp tiền lên đến bạc triệu, chú đem về 2 xác một bắt sống với cặp táp tiền nộp lên cấp trên. Thiếu tá Quận trưởng phải đáp trực thẳng xuống sân Hội đồng Xã để gắn huy chương...)

Nhưng thời oanh liệt nay còn đâu? Chiều ngày 01/05/1975. Ba người nông dân trong xóm chĩa ba cây AK vào chú Hồ Trương trước cửa nhà. Sau khi cô ba tuyên án chú Hồ Trương - nợ máu nhân dân. Cô ba tuyên lệnh xử bắn đến lần thứ hai mà ba cây AK cứ run cầm cập! Họ là nông dân. Đất, nước miền Nam để họ ra để yêu chuộng hoà bình chứ không phải chiến tranh; yêu thương cốt nhục chứ không phải cuồng sát đồng bào; cây lúa trên đồng trĩu bông mới là ước mơ của họ. Sao bắt họ giết người trong tầm đạn từ nòng súng tới tội nhân chỉ chừng ba mét!

Chú Hồ Trương đồng đặc tuyên bố: “Tội bay sợ hả? Cứ bắn đi! Tao chết thành ma cũng không tha Việt cộng.” Ba người nông dân hạ súng, khóc ròng. Ba người bộ đội rằng họ phải thay mặt để thi hành án. Ôai! Hùm chết để da người ta chết để tiếng. Vĩnh biệt chú Hồ Trương năm tôi 13 tuổi. Tiếp theo là hình ảnh chú hai Đức, chú Tư bánh mì lao động khổ sai - đào ao cá bác Hồ ngay trong khu vực quân sự mà ngày xưa các chú đã canh giữ, còn hoài trong ký ức tôi. Người cho tôi ký ức về chiến tranh và hoà bình trên quê hương tôi, sao nhỡn nhơ ở Mỹ một cách thiếu công bằng vậy ông trời?!

Cô ba nhìn lên tôi tôi biết! Nhưng dòng ký ức không ngăn được cứ tuôn chảy trong đầu óc tôi... những ngày tháng 5 đầy máu và nước mắt của ba mươi ba năm trước; của xóm làng tôi yêu lần lượt oán thù, thương hận... Có phải người đàn bà này là cội nguồn của mọi tội lỗi trên quê hương tôi? Hình ảnh cô ba tiều tụy sau tháng năm tù đầy - trở về xóm cũ trong sự rẻ khinh của bà con cô bác lại động lòng tôi. (Sau tháng 5 - cô ba làm trời làm đất ở rẻo đất quê mùa mà tôi yêu nhớ. Cô ba biến mất trong tiếng thở nhe phào của bà con xóm làng. Có người cho là cô ba đi làm cách mạng cao hơn ở Thành phố, ở Trung ương không chừng?! Nhưng năm 1979 thì cô ba về lại mái nhà xưa sau 4 năm tù. Người đàn bà của quý làm than trong tiếng kinh cầu, tiếng mõ đêm đêm... cô ba thướt tha, điệu dàng, da trắng như sương... chỉ còn là bóng mờ tội ác núp trong áo xám quy y. Chuyện ngoài Chùa sư nữ mà tôi nghe mẹ tôi kể rằng: Cô ba có người chị theo Việt cộng từ hồi còn đi học, làm nội gián cho Việt cộng ở Huế tới lấy chồng là sĩ quan Cảnh sát Cộng hòa, có đứa con gái năm, sáu tuổi thì Việt cộng mới tấn công Huế vào dịp Tết Mậu thân. Cô chị xử chồng rồi ra mặt là người cách mạng và gieo ác nghiệp lên thân phận đồng bào vô tội ngoài Huế. Khi Quân đội Quốc gia tái chiếm Huế thì cô chị rút theo vô bung chứ đã giết chồng, giết người không kể xiết ở Kinh thành thì làm sao ở lại với Quốc gia được nữa? Cô chị này còn tung tin giả là đã chết trong chiến tranh để phe Quốc gia thôi làm khó gia đình còn ở lại vùng Quốc gia. Cha cô ba sợ họ bỏ tù cô ba nên dẫn cô với con mồ côi của cô hai trốn vào Nam vì chồng cô ba mới đích thị là Việt cộng nằm vùng ngoài Huế, chết trong Mậu thân ở Huế. Nhưng cô gạt bà con xóm làng trong Nam là chồng cô chết trong màu áo Quốc gia. Chính mối hận lòng là Quốc gia mà cụ thể là Thủy quân lục chiến đã đưa chồng cô sang thế giới bên kia khi họ mới nên vợ chồng, còn chưa kịp có con nên cô thù chú Hồ Trương cho cụ thể từ khi nghe chú từng là Thủy quân lục chiến, diệt cộng tới bị thương nặng còn không chịu giải ngũ, còn tham gia Nghĩa quân để diệt cộng tới cùng.

Ngày 30/04/1975 đã chấm dứt giai đoạn chết như rươi của Việt cộng, lịch sử mở ra thời kỳ thụ hưởng cho những những người may mắn sống sót. Cô ba chớp thời cơ để trả thù chồng bằng cách khai báo chính mình là người chị của cô với thành tích tham gia cách mạng ngoài Huế. Sau tết Mậu thân, tránh mặt vào Nam để giữ gìn tổ chức trước sự tinh anh của cảnh sát Quốc gia và an ninh Quân đội Việt Nam Cộng Hoà. Quả thật cô có lên Thành phố để nhận chức cao hơn, nhưng vì Thành phố Sài gòn là thủ phủ miền Nam nên trung ương rà lại danh sách cán bộ lãnh đạo cho chắc không có tàn dư Mỹ-Ngụy len lỏi vào... Và sự vụ bề ra là cán bộ Thành ủy Sài gòn và cán bộ Thành ủy thành phố Huế - cùng tên cùng họ, ngày tháng năm sanh... vì chị cô phao tin chết giả xưa kia để qua mắt Cảnh sát Quốc gia chứ người còn sống. Trước mặt Ủy ban quân quản để xác minh ai là đồng chí thật của cách mạng? Cô chị cộng sản đã từng giết chồng, bỏ con, giết biết bao đồng bào ngoài Huế không góm tay thì xá gì một cô em ruột mà không bán bỏ cho rộng đường cách mạng. Nhưng cách mạng khoan hồng cho cô ba có chồng là Việt cộng nằm vùng, chết trong tết Mậu thân ở Huế, nên... cho cô vô tù để nghỉ ngơi. Coi như lời cảm ơn chặn thành của cách mạng.)

Câu chuyện ngoài Chùa mà tôi nghe như nước đổ đầu vịt không ngờ còn đầy đủ trong tôi đến thế! Một đời người phụ nữ đắng cay bởi chiến tranh. Một đồng bào không may như nhiều đồng bào khốn khổ đi qua khói lửa mịt mù để hoà bình tay trắng với chuyên môn vắt chanh bỏ vỏ là sở trường cộng sản. Cô ba cũng là nạn nhân cộng sản thì đúng hơn là tội ác chiến tranh. Không biết nhiều năm sống trên nước Mỹ, trái tim tôi đã quên được mấy hận thù?! Những đêm không ngủ với nỗi nhớ nhà, nhớ mấy gốc dừa đang mùa ra hoa, rừng trắng bờ ao... con sông xưa không còn xanh trong như thời tôi nhỏ dại đã chảy về đâu những thăm thiết ân tình?...

Tôi chẳng mua được gì trong chợ - sáng hôm nay. Cô ba trả tiền mấy gói mì gói Đại Hàn; hũ kim chi... cô nhìn tôi lần nữa trước khi ra cửa chợ để ra về. Tôi theo ra ngoài hành lang chợ còn vắng tanh, chỉ có gió lạnh làm lòng tôi se thắt. Cô ba trong ký ức lên năm của tôi vẫn điệu dàng theo từng bước đi; cô ba mang băng đỏ, ngồi trên xe jeep chỉ là nông nổi đàn bà; cô ba tóc trắng, lưu luyến xứ người... không biết có chồng con trong tuổi già hiu quạnh làm se thắt lòng tôi. Tôi muốn gọi “Cô ba” bằng tiếng lòng con trẻ nơi xứ xa để xoá bỏ hận thù! Nhưng hình ảnh đồng đặc của chú Hồ Trương trước khi chết đã bóp hấu, bóp họng tôi tới khó thở. Nước mắt tôi nhìn theo vóc dáng hao gầy.